

Kết quả tài chính hằng năm là chênh lệch giữa tổng thu nhập và tổng chi phí phát sinh trong năm đánh giá, được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

d) Chi tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo tài chính: Quỹ chấp hành đúng quy định, không có hành vi thực hiện sai, bỏ sót, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc không thực hiện. Các hành vi vi phạm bao gồm hành vi của Quỹ, cá nhân dưới danh nghĩa Quỹ hoặc người quản lý Quỹ gây ra khi thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

2. Khi tính toán các chi tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

### **Điều 12. Phương thức xếp loại Quỹ Hỗ trợ nông dân**

Quỹ Hỗ trợ nông dân đánh giá, xếp loại hiệu quả hoạt động theo nguyên tắc so sánh giữa kết quả thực hiện và các chi tiêu được giao tại kế hoạch tài chính Quỹ, cụ thể như sau:

#### 1. Chi tiêu 1: Dư nợ tín dụng

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại A khi chi tiêu thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao;

b) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại B khi chi tiêu thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao nhưng tối thiểu bằng 90% kế hoạch được giao;

c) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại C khi chi tiêu thực hiện đạt dưới 90% kế hoạch được giao.

#### 2. Chi tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại A khi chi tiêu thực hiện bằng hoặc thấp hơn kế hoạch được giao;

b) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại B khi chi tiêu thực hiện cao hơn kế hoạch được giao nhưng tối đa bằng 110% kế hoạch được giao;

c) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại C khi chi tiêu thực hiện cao hơn 110% kế hoạch được giao.

#### 3. Chi tiêu 3: Kết quả tài chính hằng năm

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại A khi chi tiêu thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao;

b) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại B khi chi tiêu thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao nhưng tối thiểu bằng 90% kế hoạch được giao;

c) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại C khi chỉ tiêu thực hiện đạt dưới 90% kế hoạch được giao.

4. Chi tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo tài chính.

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại A khi: Trong năm đánh giá xếp loại, Quỹ không bị cơ quan có thẩm quyền kiến nghị về việc đầu tư, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước không đúng quy định; không bị hoặc bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản 01 (một) lần về việc thực hiện chế độ báo cáo tài chính không đúng quy định;

b) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại B khi trong năm đánh giá xếp loại, Quỹ không bị cơ quan có thẩm quyền kiến nghị về việc đầu tư, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước không đúng quy định; hoặc bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản 02 (hai) lần về việc thực hiện chế độ báo cáo tài chính không đúng quy định;

c) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại C khi trong năm đánh giá xếp loại, Quỹ bị cơ quan có thẩm quyền kiến nghị về việc đầu tư, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước không đúng quy định; hoặc bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản 03 (ba) lần trở lên về việc thực hiện chế độ báo cáo tài chính không đúng quy định. Người quản lý Quỹ vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của Quỹ trong việc chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính theo công bố, kết luận của cơ quan chức năng. Việc đánh giá xếp loại Quỹ chỉ tính 01 (một) lần đối với cùng một vụ việc sai phạm của người quản lý Quỹ;

d) Các hành vi vi phạm thủ tục thuế không xem xét để thực hiện đánh giá xếp loại Quỹ.

### **Điều 13. Tổng hợp xếp loại Quỹ Hỗ trợ nông dân**

1. Quỹ xếp loại A khi không có chỉ tiêu xếp loại C, trong đó chỉ tiêu 1 và chỉ tiêu 2 được xếp loại A.

2. Quỹ xếp loại C khi có chỉ tiêu 1 và chỉ tiêu 2 không xếp loại A và các chỉ tiêu còn lại xếp loại C.

3. Quỹ xếp loại B trong các trường hợp còn lại.

4. Căn cứ các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại Thông tư này, Quỹ báo cáo kết quả đánh giá và xếp loại gửi Ban Thường vụ Hội nông dân cùng cấp để Ban Thường vụ Hội nông dân cùng cấp thẩm định, phê duyệt xếp loại hiệu quả hoạt động Quỹ trước ngày 31 tháng 5 hằng năm.

### **Điều 14. Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cho vay**

Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay chịu rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro cho vay theo quy

định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành đối với tổ chức tài chính vi mô.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường hợp số dư Quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành vượt quá số phải trích lập theo quy định thì hoàn nhập phần vượt vào thu nhập của Quỹ;

2. Các khoản phí thu được từ các hợp đồng tín dụng đã ký trước ngày Nghị định số 37/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành của Quỹ Hỗ trợ nông dân là khoản lãi cho vay và sẽ được hạch toán theo quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2024.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội nông dân Việt Nam.

#### **Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân, ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính để được hướng dẫn theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, CQ ngang bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước,
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Bộ Tài chính;
- UBND, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Trung ương HNDVN; HND các cấp;
- Quỹ HTND Trung ương; Quỹ HTND cấp tỉnh; Quỹ HTND cấp huyện;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCNH (5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Đức Chi**

**Phụ lục 1:**

**TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI CHÊNH LỆCH THU CHI VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-BTC ngày ...tháng ...năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

QUỸ ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-....

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO**

Về tình hình phân phối chênh lệch thu chi và sử dụng các quỹ

Năm .....

Đơn vị: đồng

STT	Phân phối kết quả hoạt động của Quỹ	Số dư đầu năm/Chênh lệch thu chi lũy kế âm phải bù đắp	Số điều chỉnh tăng/giảm trong năm		Số dư cuối năm/Chênh lệch thu chi lũy kế âm còn phải bù đắp	Ghi chú
			Điều chỉnh tăng/Bù đắp chênh lệch thu chi	Điều chỉnh giảm		
A	B	1	2	3	4	5
1	Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm (-) lũy kế đến thời điểm quyết toán					
2	Quỹ đầu tư phát triển					
3	Quỹ dự phòng tài chính					
4	Quỹ khen thưởng					
5	Quỹ phúc lợi					
6	Quỹ thưởng người quản lý					
7	Số còn lại bổ sung Quỹ đầu tư phát triển					
	<b>Tổng cộng</b>					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục 2a:****BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTC ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Quý HTND huyện...  
\_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../BC-....

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO**

Về báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ .....

Kính gửi: Ủy Hội trợ nông dân tỉnh ....

**I. Số liệu**

		Đơn vị: đồng
<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
<b>1</b>	<b>Tình hình vốn chủ sở hữu</b>	
1.1	Vốn điều lệ	
1.2	Các quỹ	
1.3	Tăng giảm trong kỳ	
<b>2</b>	<b>Huy động vốn trong kỳ</b>	
<b>3</b>	<b>Tình hình cho vay</b>	
3.1	Tổng số dư nợ đầu kỳ	
3.2	Thu nợ trong kỳ	
3.3	Dư nợ cuối kỳ	
3.4	Tỷ lệ nợ xấu	
3.5	Xử lý nợ xấu trong kỳ	
<b>4</b>	<b>Hoạt động thu chi trong kỳ</b>	
4.1	Thu nhập	
4.2	Chi phí	
4.3	Kết quả tài chính	

**II. Phân tích tình hình, nêu rõ lý do tăng giảm trong kỳ báo cáo và nhận xét, kiến nghị (nếu có)**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục 2b:****BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTC ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Quỹ HTND tỉnh...  
\_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../BC-....

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO****Về báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ .....**

Kính gửi: - Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương;  
- Hội Nông dân Việt Nam.

**I. Số liệu**

		Đơn vị: đồng
TT	Nội dung	Số tiền
<b>1</b>	<b>Tình hình vốn chủ sở hữu</b>	
1.1	Vốn điều lệ	
1.2	Các quỹ	
1.3	Tăng giảm trong kỳ	
<b>2</b>	<b>Huy động vốn trong kỳ</b>	
<b>3</b>	<b>Tình hình cho vay</b>	
3.1	Tổng số dư nợ đầu kỳ	
3.2	Thu nợ trong kỳ	
3.3	Dư nợ cuối kỳ	
3.4	Tỷ lệ nợ xấu	
3.5	Xử lý nợ xấu trong kỳ	
<b>4</b>	<b>Hoạt động thu chi trong kỳ</b>	
4.1	Thu nhập	
4.2	Chi phí	
4.3	Kết quả tài chính	

**II. Phân tích tình hình, nêu rõ lý do tăng giảm trong kỳ báo cáo và nhận xét, kiến nghị (nếu có)**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục 2c:****BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BTC ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Quý Hỗ trợ nông dân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BC-....

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO**

Về báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ .....

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Quý HTND Trung ương	Hệ thống Quý HTND địa phương
<b>1</b>	<b>Tình hình vốn chủ sở hữu</b>		
1.1	Vốn điều lệ		
1.2	Các quỹ		
1.3	Tăng giảm trong kỳ		
<b>2</b>	<b>Tình hình cho vay</b>		
2.1	Tổng số dư nợ đầu kỳ		
2.2	Dư nợ cuối kỳ		
<b>3</b>	<b>Huy động vốn trong kỳ</b>		
<b>4</b>	<b>Hoạt động thu chi trong kỳ</b>		
4.1	Thu nhập <sup>2</sup>		
4.2	Chi phí <sup>3</sup>		
4.3	Kết quả tài chính		

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Gửi các cơ quan theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP

<sup>2</sup> Báo cáo định kỳ năm

<sup>3</sup> Báo cáo định kỳ năm